



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 9 năm 2026

BẢNG ĐIỂM GIỚI TỬ SA DI NI

SBD	PHÁP DANH	THẺ DANH	ĐƠN VỊ	HỆ PHÁI	ĐIỂM THI VẤN ĐÁP		ĐIỂM THI VIẾT		TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM TRUNG BÌNH	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
					GK (1)	GK (2)	GK (1)	GK (2)				
046	THÁNH PHƯƠNG NGHIÊM	Mai Thị Quỳnh Như	P. Thới An	Bắc tông	9	8	9,5	9,5	36	9,00		
048	TRUNG HIẾU	Nguyễn Hoàng Linh Đan	P. Cầu Kiệu	Bắc tông	9	8	9	9	35	8,75		
055	HẠNH NGUYỄN	Nguyễn Ngọc Kỳ Duyên	P. Xuân Hòa	Bắc tông	8,5	8	9,5	9	35	8,75		
025	MINH NGUYỄN	Đặng Thị Mỹ Diệu	P. Hiệp Bình	Bắc tông	9	9	8	8	34	8,50		
009	DIỆU TÂM	Phạm Thị Định	P. Tân Hòa	Bắc tông	9	9	7,5	7,5	33	8,25		
029	NGỌC HƯƠNG	Trần Ngọc Ngà	P. Đông Hòa	Bắc tông	8	8	9	8	33	8,25		
011	DIỆU TIỀN	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	P. Khánh Hội	Bắc tông	8	8	8,5	8	32,5	8,13		
016	GIÁC THUẦN	Cao Thị Kỳ Duyên	P. Phú Mỹ	Bắc tông	9	9	7,5	7	32,5	8,13		
021	HIẾU NHƯ	Hoàng Như Ý	P. Bình Trị Đông	Bắc tông	9	9,5	7	7	32,5	8,13		
023	MINH ĐỨC	Trương Ngọc Tú	X. Bình Chánh	Bắc tông	9	8,5	8	7	32,5	8,13		
024	MINH KIÊN	Đỗ Thị Yến	P. Phú Mỹ	Bắc tông	8	8	8,5	8	32,5	8,13		

057	TÂM HIẾU	Nguyễn Thị Trà	P. Xuân Hòa	Bắc tông	9,5	9,5	7	6,5	32,5	8,13		
060	NGUYỄN VI	Đinh Thị Thùy Trang	P. Đức Nhuận	Bắc tông	8	8	8	8,5	32,5	8,13		
006	LIÊN NGÔN	Huỳnh Thị Mỹ Thảo	P. Hạnh Thông	Khất sĩ	8,5	9	7	8	32,5	8,13		
012	LIÊN TUỆ	Lê Thị Như Quỳnh	P. Hạnh Thông	Khất sĩ	9	8,5	7	8	32,5	8,13		
022	HOA TÂM	Dương Thị Nở	P. Đông Hòa	Bắc tông	8	9	8	7	32	8,00		
030	NGỌC QUÝ	Nguyễn Thị Thảo Trang	P. Đông Hòa	Bắc tông	9	8	7	8	32	8,00		
054	DIỆU NHẬT	Bùi Thị Thanh Thảo	P. Xuân Hòa	Bắc tông	7,5	8	8,5	8	32	8,00		
051	TUỆ CHÁNH	Đỗ Thị Diễm Phượng	P. Bình Tân	Bắc tông	8	8,5	7	8	31,5	7,88		
020	HIẾU NHÂN	Võ Thị Thanh Dung	P. Bình Tân	Bắc tông	9	9	7	6	31	7,75		
028	NGỌC CHƠN	Trần Thị Diệu	P. Đông Hòa	Bắc tông	7	7	9	8	31	7,75		
002	BẢO HÂN	Lê Thị Hồng Hạnh	P. Phú Mỹ	Bắc tông	9	8	7	6,5	30,5	7,63		
036	NHUẬN THANH	Lê Thị Hà Trang	P. Tân Phước	Bắc tông	8	7	7,5	8	30,5	7,63		
047	THIÊN TÂM	Võ Phương Linh	P. Đức Nhuận	Bắc tông	9	8	7	6,5	30,5	7,63		
008	LIÊN NHƯ	Trần Thị Quế Như	P. Hạnh Thông	Khất sĩ	8,5	8,5	7	6,5	30,5	7,63		
001	AN HỮU	Thái Thị Tuyết Hằng	X. Bình Chánh	Bắc tông	8	8	7	7	30	7,50		
027	MINH VIÊN	Huỳnh Lưu Ánh Mẫn	P. Phú Mỹ	Bắc tông	8	6	8	8	30	7,50		
037	PHÁP CHÚNG	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	X. Củ Chi	Bắc tông	8	8	6,5	7,5	30	7,50		
039	PHÁP MINH	Võ Thị Thu Minh	X. Củ Chi	Bắc tông	8	7	7	8	30	7,50		
049	TRUNG NHIÊN	Trần Thị Ngọc Quỳnh	P. Phú Thạnh	Bắc tông	8	7	7	8	30	7,50		
053	ĐỨC AN	Phí Thị Thanh Hương	P. Xuân Hòa	Bắc tông	9	8	6	7	30	7,50		
005	LIÊN HIẾU	Lê Thị Thanh Trà	P. Hạnh Thông	Khất sĩ	8	9	6	7	30	7,50		

011	LIÊN TRUNG	Nguyễn Thị Thu Huệ	P. Hạnh Thông	Khất sĩ	9,5	8,5	6	6	30	7,50		
044	THÁNH HUỆ	Phan Thị Huệ	P. Phú Mỹ	Bắc tông	8	8	6,5	7	29,5	7,38		
003	LIÊN BẢO	Nguyễn Thị Huyền Trân	P. Hạnh Thông	Khất sĩ	8	8,5	6	7	29,5	7,38		
010	LIÊN PHƯỢNG	Phan Thị Phụng	P. Hạnh Thông	Khất sĩ	9	8	6	6,5	29,5	7,38		
013	TỊNH QUANG	Nguyễn Thị Thu Trang	P. Bình Trị Đông	Khất sĩ	8	8	6	7,5	29,5	7,38		
013	ĐỊNH NGHIÊM	Nguyễn Thị Lệ Thu	P. Thới An	Bắc tông	8	8	7	6	29	7,25		
042	PHƯỚC HẬU	Nguyễn Tường Hân	P. Đông Hưng Thuận	Bắc tông	9	9	5,5	5,5	29	7,25		
004	LIÊN HẠNH	Huỳnh Thị Xuân Trang	P. Hạnh Thông	Khất sĩ	7,5	8,5	6	7	29	7,25		
043	PHƯỚC HIỀN	Nguyễn Tường Uyên	P. Đông Hưng Thuận	Bắc tông	8	8	6	6,5	28,5	7,13		
012	DIỆU TỪ	Hoàng Thị Uyên	X. Phước Hải	Bắc tông	6	7	8	7	28	7,00		
014	ĐỨC AN	Trương Thị Nguyệt	X. Hóc Môn	Bắc tông	7	6	7,5	7,5	28	7,00		
026	MINH THÀNH	Trương Thị Ánh Hoa	P. Vườn Lài	Bắc tông	8	5	7,5	7,5	28	7,00		
033	NGUYỄN Ý	Phạm Vũ Như Ý	P. Đức Nhuận	Bắc tông	7	8	6	7	28	7,00		
056	ĐÀM PHÚC	Trương Thị Mơ	P. Xuân Hòa	Bắc tông	8	7,5	6	6,5	28	7,00		
007	LIÊN NHẢ	Nguyễn Thị Kim Loan	P. Hạnh Thông	Khất sĩ	8	9	6	5	28	7,00		
041	PHÁP PHƯƠNG	Huỳnh Thị Kim Phương	X. Củ Chi	Bắc tông	6	7	7	7,5	27,5	6,88		
052	TUỆ THÀNH	Nguyễn Thị Thu Thủy	P. Bình Tân	Bắc tông	7	6,5	7	7	27,5	6,88		
009	LIÊN PHƯƠNG	Nguyễn Thanh Trước	P. Hạnh Thông	Khất sĩ	7,5	7	6	7	27,5	6,88		
007	DIỆU NHẢ	Cao Thị Linh	X. Bình Châu	Bắc tông	7	6	7	7	27	6,75		
008	DIỆU TÀI	Nguyễn Thị Hoàng Trúc	P. Khánh Hội	Bắc tông	6	6	7,5	7,5	27	6,75		
032	NGUYỄN PHÚC	Trần Mỹ Duyên	X. Xuân Sơn	Bắc tông	7	7	6,5	6,5	27	6,75		

017	GIÁC VIÊN	Lê Thị Châu	P. Phú Mỹ	Bắc tông	7	7	6,5	6	26,5	6,63		
059	NGUYỄN QUÝ	Trương Nữ Như Quyên	P. Đức Nhuận	Bắc tông	7	6,5	6	7	26,5	6,63		
004	CHÚC Ý	Nguyễn Thị Như Ý	P. An Hội Tây	Bắc tông	7	7	6	6	26	6,50		
045	THÁNH NHƯ	Vũ Ngọc Trâm	P. Thới An	Bắc tông	6	7	6	7	26	6,50		
058	TÂM THẢO	Hoàng Thị Hương Trà	P. Xuân Hòa	Bắc tông	6,5	5	7	7,5	26	6,50		
035	NHUẬN ĐĂNG	Cao Thị Phụng	X. Hóc Môn	Bắc tông	5	6	7	7,5	25,5	6,38		
018	HIỀN LIÊN	Huỳnh Thị Liên	X. Củ Chi	Bắc tông	7	7	5	6	25	6,25		
050	TRUNG THẮNG	Lê Minh Như Kim	X. Phú Hòa Đông	Bắc tông	7	7	5	6	25	6,25		
031	NGUYỄN LẠC	Đặng Thị Kim Thu	X. Xuân Sơn	Bắc tông	6	6	5,5	6,5	24	6,00		
038	PHÁP LÂM	Cao Nguyễn Tường Vy	X. Củ Chi	Bắc tông	6	5	6	7	24	6,00		
001	HẠNH TRÍ	Huỳnh Thị Kiều Tiên	X. Bắc Tân Uyên	Khất sĩ	6,5	6,5	5	6	24	6,00		
006	DIỆU MẪN	Trương Hồng Đông Nhi	P. An Hội Tây	Bắc tông	6	6	6	5,5	23,5	5,88		
040	PHÁP NGỌC	Trương Huỳnh Mỹ Ngọc	X. Củ Chi	Bắc tông	5	5	6	7	23	5,75		
034	NHƯ TUYẾT	Đỗ Thị Lâm Tuyết	P. Bình Đông	Bắc tông	6	5	5	6	22	5,50		
002	LIÊN BẢO	Hồ Ngọc Bảo Trân	P. Bình Trị Đông	Khất sĩ	6	5	5	6	22	5,50		
005	DIỆU ÁNH	Hồng Thị Thùy Trang	P. Khánh Hội	Bắc tông	6	5	5,5	5	21,5	5,38		
019	HIỆU NGHĨA	Đỗ Thị Thu Hà	P. Bình Tân	Bắc tông	5	5	4	5	19	4,75	Trượt	
015	GIÁC TÁNH	Nguyễn Thị Lý	P. Phú Mỹ	Bắc tông	5	5	2,5	3	15,5	3,88	Trượt	
003	CHÚC HIỀN	Nguyễn Thị Quỳnh Như	P. An Hội Tây	Bắc tông								Vắng
010	DIỆU THU	Trần Thị Mai Anh	X. Phước Hải	Bắc tông								Vắng